TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/DS-PT
Ngày: 24-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 316/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 172/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1989; cư trú tại số nhà C, đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1996; cư trú tại số nhà A, đường Đ, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Trương Ái T, sinh năm: 1986, ông Nguyễn Trung K, sinh năm: 1985; cư trú tại số nhà C, đường L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Nguyễn Trương Ái T, sinh năm: 1986; cư trú tại số nhà C, đường L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1999; cư trú tại số A, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ái T1, ông Nguyễn Trung K – Bị đơn.

(Bà M, bà T1, bà L có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Do có mối quan hệ là bạn bè thân thiết, bà Nguyễn Thị Ngọc M có cho vợ chồng bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K vay tổng số tiền 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) làm 02 lần: Ngày 25/11/2022 vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng); ngày 26/12/2022 vay số tiền 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng), đều không có lãi suất, thời hạn vay đều đến ngày 30/3/2023, mục đích vay để kinh doanh bất động sản, vợ chồng bà T, ông K có ký ghi họ, tên và điểm chỉ vào giấy mượn tiền, bà M đã giao tiền mặt cho bà T, ông K tại nhà bà T, ông K, mệnh giá tiền là 500.000đ. Đến hạn vợ chồng bà T, ông K không trả nợ. Do vợ chồng bà T, ông K vi phạm nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông K có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 9.000.000.000d (Chín tỷ đồng). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K trình bày: Vợ chồng ông, bà thừa nhận chữ ký, chữ viết ghi họ, tên và điểm chỉ trong 02 giấy mượn tiền đề ngày 25/11/2022 và ngày 26/12/2022 là của vợ chồng ông, bà. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, bà T có nợ nần ở bên ngoài nhiều, bà M là người thân thiết, bà M nói cứ viết giấy vay tiền để giữ lại tài sản hộ nên ông, bà mới viết giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 và ngày 26/12/2022.

Ý kiến trình bày bổ sung của bà T: Do bà có vay mượn nợ nần ở bên ngoài, chồng bà là ông K hoàn toàn không biết. Đối với chữ ký, chữ viết ghi họ, tên và điểm chỉ trong 02 giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 và ngày 26/12/2022 là của bà và ông K, do bà gọi ông K đến ký ghi họ, tên và điểm chỉ chứ ông K hoàn toàn không biết gì và không liên quan đến số tiền vay 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng). Bà và bà M có mối quan hệ thân thiết nên bà tin tưởng, trường hợp bà M cho bà vay 9.000.000.000đ thì bà M lấy nguồn tiền từ đâu, thời gian, địa điểm giao tiền mặt, mệnh giá và giao tiền như thế nào?

Nay bà M yêu cầu vợ chồng ông, bà phải thanh toán số tiền 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) thì ông, bà không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 24/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay gốc là 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 03/7/2024 bà Nguyễn Thị Ái T1, ông Nguyễn Trung K có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà M không đồng ý với kháng cáo của bị đơn bà T1, ông K, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ái T1, ông Nguyễn Trung K; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ái T1, ông Nguyễn Trung K thì thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai, giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 và ngày 26/12/2022 thể hiện bà M có cho vợ chồng ông K, bà T1 vay tổng số tiền 9.000.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 30/3/2023, không thể hiện lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông K, bà T1 thừa nhận chữ viết, chữ ký trong 02 giấy vay tiền là của hai vợ chồng. Căn cứ khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về *"những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh"* có căn cứ xác định

việc ông K, bà T1 xác lập, ký, điểm chỉ trong giấy vay do nguyên đơn bà M cung cấp là có xảy ra trên thực tế.

Bị đơn vợ chồng ông K, bà T1 cho rằng không có việc vay mượn hay nhận tiền trên thực tế mà ký giấy vay là do nợ nần bên ngoài nhiều và để bà M giữ tài sản hộ. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn cung cấp vi bằng lập ngày 20/3/2023 tại Văn phòng thừa pháp lại thành phố B. Nguyên đơn bà M, bị đơn bà T1 đều thừa nhận vi bằng và hợp đồng đặt cọc được lập cùng ngày 20/3/2023 nhưng hợp đồng đặt cọc ghi ngày 25/11/2022 là ghi lùi để hợp thức hóa về thời gian. Ngoài ra, bà M và bà Thủy cung c các tin nhắn zalo giữa nguyên đơn với bị đơn và ngược lại, nội dung các tin nhắn thể hiện bị đơn áp lực nợ nần và tìm cách bán nhà đất để thanh toán nợ, nguyên đơn bế tắc, áp lực … ngoài ra không có nội dung nào xác định tài liệu chứng cứ giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 và ngày 26/12/2022 nguyên đơn cung cấp là không có thật.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên số tiền vay gốc 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà T1, ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay gốc là 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Trương Ái T, ông Nguyễn Trung K phải chịu 117.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006492 và 0006493 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà T, ông K còn phải nộp 117.000.000đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 58.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005940 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc (01)
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt